

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỆ THỦY  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày: 23 - 3 - 2022

V/v kiện đòi nợ tiền thức ăn chăn nuôi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Xuân Toàn

2. Ông Ngô Mậu Hiệu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Đình Mười – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về kiện đòi nợ tiền thức ăn chăn nuôi theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 08/02/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 04/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Đồng nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1973 và ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Điều vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 2 Th, xã Th, huyện L, tỉnh Quảng Bình. (Văn bản ủy quyền ngày 04/10/2021), có mặt.

2. *Đồng bị đơn:* Ông Ngô Hữu L, sinh năm 1988 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Điều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2021, đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th trình bày: Từ năm 2018 đến năm 2019, vợ chồng bà Nh đã nhiều

lần bán thức ăn chăn nuôi là bột gà, vịt cho vợ chồng ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th. Trong quá trình thực hiện mua bán thức ăn chăn nuôi thì ông L, bà Th có thanh toán một phần số tiền mua thức ăn chăn nuôi và còn nợ lại một phần. Số tiền nợ cộng dồn đến ngày 21/6/2019 là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Từ ngày 21/6/2019 đến ngày bà Nh, ông Th làm đơn khởi kiện thì ông L, bà Th đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ dù bà Nh, ông Th đã nhiều lần đề nghị thanh toán. Do đó bà Nh, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 98.213.333 đồng, bao gồm nợ gốc số tiền 80.000.000 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền 80.000.000 đồng từ ngày 07/4/2020 tính đến ngày 01/10/2021 là 18.213.333 đồng; Yêu cầu ông L và bà Th phải trả tiền lãi chậm thi hành án từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho tới khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2021, người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 98.213.333 đồng, bao gồm nợ gốc số tiền 80.000.000 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền 80.000.000 đồng từ ngày 07/4/2020 tính đến ngày 01/10/2021 là 18.213.333 đồng. Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 03/3/2022 và tại phiên tòa, ông T trình bày: Yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm; rút yêu cầu thanh toán tiền lãi số tiền 18.213.333 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2021, đồng bị đơn ông Ngô Hữu L trình bày: Từ năm 2018, 2019 vợ chồng ông có mua thức ăn chăn nuôi tại bà Nh, ông Th. Hiện tại vợ chồng ông L còn nợ bà Nh, ông Th số tiền 80.000.000 đồng. Ông L hứa sẽ trả nợ cho bà Nh, ông Th mỗi năm 5.000.000 đồng, riêng số tiền lãi ông L không chấp nhận vì vợ chồng ông không vay tiền của vợ chồng bà Nh, ông Th. Lý do hiện tại vợ chồng ông L chưa trả được nợ vì làm ăn rủi ro, thua lỗ nên chưa đủ trả số tiền lớn cho bà Nh, ông Th. Nếu bà Nh, ông Th không chấp nhận phương án như ông L đã trình bày ở trên thì ông L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2021, đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà Th thừa nhận vợ chồng bà còn nợ tiền thức ăn chăn nuôi của bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th số tiền 80.000.000 đồng, không chấp nhận số tiền lãi 18.213.333 đồng vì vợ chồng bà không vay tiền của vợ chồng bà Nh và ông Th. Lý do vợ chồng bà Th, ông L chưa trả tiền cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th là do làm ăn thua lỗ, dịch bệnh nên chưa có điều kiện trả nợ, chưa đủ khả năng

trả nợ; bà Th hứa vợ chồng bà sẽ trả dần nợ cho vợ chồng bà Nh và ông Th khi có điều kiện.

Tại phiên tòa lần thứ nhất, đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị Th vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, đồng bị đơn ông Ngô Hữu L, bà Nguyễn Thị Th vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 357, 430, 434, 440, 468 Bộ luật dân sự chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh và anh Hoàng Văn Th. Buộc đồng bị đơn anh Ngô Hữu L và chị Nguyễn Thị Th phải trả nợ cho đồng nguyên đơn chị Nh, anh Th nợ gốc số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (23/3/2022) bên có nghĩa vụ trả nợ còn phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu thanh toán lãi chậm thanh toán số tiền 18.213.333 đồng (mười tám triệu hai trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Đồng bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đồng bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập, thông báo hòa giải đến các đương sự, đồng bị đơn ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th đều vắng mặt, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 04/3/2022, đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Th vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, đồng bị đơn ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp về kiện đòi nợ tiền thức ăn chăn nuôi thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng bị đơn cư trú tại xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự: Theo các giấy tờ do nguyên đơn cung cấp về việc ký xác nhận nợ ghi trong sổ giao hàng, sự thừa nhận của đồng bị đơn là ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th về việc nợ tiền thức ăn chăn nuôi. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giao dịch dân sự giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th với vợ chồng ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th không bị vô hiệu.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn: Theo các giấy tờ do đồng nguyên đơn cung cấp, sự thừa nhận của đồng bị đơn là ông Ngô Hữu Luân và bà Nguyễn Thị Thìn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ông Ngô Hữu L, sinh năm 1988 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988; cư trú tại thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình còn nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn Th, cư trú tại thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình tiền thức ăn chăn nuôi số tiền 80.000.000đ (Tám mươi đồng). Vì vậy cần buộc vợ chồng ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) là phù hợp với các Điều 351 và 440 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn rút một phần yêu cầu vợ chồng ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 18.213.333 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi thỏa thuận với nhau về việc mua bán thức ăn chăn nuôi, các bên không đề cập đến nghĩa vụ trả lãi khi vi phạm thời gian trả nợ; trong quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn cũng không đồng ý trả lãi đối với số tiền mua thức ăn chăn nuôi chậm trả; tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu đồng bị đơn trả lãi đối với số tiền chậm trả. Xét thấy, yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu; việc đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là tự nguyện và có lợi cho đồng bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về rút yêu cầu đồng bị đơn trả tiền lãi số tiền 18.213.333 đồng là phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của đồng nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn phải trả lãi cho đồng nguyên đơn tiền lãi chậm thi hành án cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ; vì vậy, cần buộc ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th phải trả lãi đối với khoản tiền nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của đồng nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; đồng bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân

sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho đồng nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 266, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 351, 357, 430, 434, 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là vợ chồng bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th. Buộc đồng bị đơn là ông Ngô Hữu L, sinh năm 1988 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988; cư trú tại thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình phải trả nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu giải quyết của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th về việc rút yêu cầu đồng bị đơn ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th phải trả lãi số tiền 18.213.333 đồng.

3/ Về án phí: Buộc ông Ngô Hữu L và bà Nguyễn Thị Th phải chịu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th số tiền 2.455.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0004275 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình.

4/ Về quyền kháng cáo: Đồng nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/3/2022), đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án tổng đạt hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Sơn**